

UBND TỈNH ĐẮK LẮK  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /SNNMT-CCTTBVT  
V/v triển khai Kế hoạch sản xuất giảm phát  
thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2026 –  
2035, tầm nhìn đến 2050

Đắk Lắk, ngày tháng 5 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh;
- Các Sở: Công thương, Khoa học và Công nghệ, Tài chính;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh khu vực 11;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Kế hoạch sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2026–2035, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Triển khai nhiệm vụ được giao, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị trực thuộc Sở triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được phân công theo chức năng nhiệm vụ và báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ tại phụ lục kèm theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND, cụ thể như sau:

### **1. Các Sở, ban, ngành của tỉnh**

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai các nội dung của Kế hoạch;
- Lòng ghép mục tiêu, nhiệm vụ về sản xuất trồng trọt giảm phát thải vào các chương trình, kế hoạch, đề án thuộc lĩnh vực quản lý;
- Phối hợp đề xuất cơ chế, chính sách, bố trí nguồn lực, thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, xúc tiến thương mại nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Kế hoạch.

### **2. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

- Xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện tại địa phương phù hợp với điều kiện thực tế;
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Kế hoạch đến người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp;
- Lựa chọn, xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất trồng trọt giảm phát thải trên địa bàn;

- Chủ động bố trí, lồng ghép nguồn lực để thực hiện;
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định.

### **3. Các đơn vị trực thuộc Sở**

Giao các đơn vị trực thuộc Sở chủ động triển khai các nhiệm vụ chuyên môn theo chức năng nhiệm vụ và báo cáo kết quả thực hiện các nội dung được phân công trong phụ lục kèm theo;

### **4. Chế độ báo cáo**

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị quý cơ quan, UBND các xã, phường và các đơn vị thuộc Sở báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch nêu trên, định kỳ hằng năm (**trước ngày 10/11**) thông qua Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

Trong quá trình triển khai nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi tiết liên hệ: bà Huỳnh Tường Vy – Sở Nông nghiệp và Môi trường, số điện thoại: 0961.756.348) để được hướng dẫn hoặc tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở (báo cáo);
- Các đơn vị trực thuộc Sở: danh sách kèm theo;
- CC TTBT&TV;
- Lưu: VT, TrTr (TV).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đặng Thị Thủy**

**Phụ lục gửi các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao**

| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ thực hiện</b>  | <b>Cơ quan chủ trì</b>   | <b>Cơ quan phối hợp</b>  | <b>Thời gian thực hiện</b> | <b>Kết quả dự kiến</b>  |
|-----------|--|--|--|----------------------------|---|
| <b>I</b>  | <b>Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện</b>   |  |  |                            |   |
| 1.        | Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung và kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch và các văn bản có liên quan tới toàn thể nhân dân thông qua các cuộc họp, hội nghị, các phương tiện thông tin đại chúng | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các Sở, ngành, UBND xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan  | 2026-2035                  | Báo cáo tổng hợp các hoạt động tuyên truyền, phổ biến                             |
| <b>II</b> | <b>Chuyển đổi cơ cấu cây trồng linh hoạt phù hợp với đặc điểm vùng sinh thái và trình độ canh tác của vùng</b>   |  |  |                            |   |
| 1.        | Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch phát triển nông nghiệp, quy hoạch đất trồng trọt, quy hoạch bảo vệ môi trường để tích hợp yêu cầu giảm phát thải.  | Chi cục Quản lý đất đai- Sở Nông nghiệp và Môi trường                | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Bảo vệ môi trường, UBND các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan | 2026                       | Báo cáo rà soát và điều chỉnh quy hoạch (với các đề xuất tích hợp giảm phát thải) |
| 2.        | Tổ chức sản xuất cây trồng phù hợp, khuyến khích phát triển các cây trồng lâu năm có tác dụng hấp thụ các-bon trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.                                   | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Sở                           | UBND các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan   | 2026 - 2035                | Kế hoạch sản xuất trồng trọt hàng năm   |

| TT         | Nhiệm vụ thực hiện  | Cơ quan chủ trì  | Cơ quan phối hợp   | Thời gian thực hiện | Kết quả dự kiến   |
|------------|---|--|--|---------------------|---|
|            |   | Nông nghiệp và Môi trường  |  |                     |   |
| 3.         | Lồng ghép tiêu chí “phát thải thấp” vào các chương trình, dự án nông nghiệp tỉnh (trồng trọt, chuyển đổi cây trồng, hỗ trợ ứng dụng công nghệ mới). | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chi cục Bảo vệ môi trường; Trung tâm Khuyến nông - Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các Sở, ngành, UBND các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan  | 2026 - 2035         | Tài liệu lồng ghép tiêu chí “phát thải thấp” vào các chương trình nông nghiệp tỉnh          |
| <b>III</b> | <b>Nâng cao năng lực và chuyển đổi nhận thức</b>  |  |  |                     |   |
| 1.         | Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp đặc biệt là hạ tầng thủy lợi, nội đồng để đảm bảo điều kiện phù hợp với sản xuất trồng trọt phát thải thấp. | Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai - Sở Nông nghiệp và Môi trường   | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, các Sở, ngành, UBND các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan | 2026 - 2035         | Báo cáo kết quả hạ tầng kỹ thuật đã được đầu tư phục vụ sản xuất trồng trọt phát thải thấp. |
| 2.         | Cụ thể hoá bộ tiêu chí, quy trình kỹ thuật “trồng trọt phát thải thấp” do Trung ương ban hành phù hợp với các cây trồng chủ lực của tỉnh            | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Sở   | Các Sở, ngành, UBND các xã, phường, các tổ   | 2026 - 2030         | Bộ tiêu chí và quy trình kỹ thuật “trồng trọt phát thải thấp” (ít nhất                      |

| TT | Nhiệm vụ thực hiện   | Cơ quan chủ trì   | Cơ quan phối hợp  | Thời gian thực hiện | Kết quả dự kiến  |
|----|--|---|---|---------------------|--|
|    |  | Nông nghiệp và Môi trường   | chức, cá nhân có liên quan  |                     | 1 bộ cho các cây trồng chủ lực như cà phê, hồ tiêu, sầu riêng,...)                                 |
| 3. | Xây dựng chương trình đào tạo, tập huấn cho cán bộ cấp tỉnh, xã, kỹ thuật viên, nông dân chủ lực về: kỹ thuật canh tác giảm phát thải, công cụ MRV, quản lý nước - dinh dưỡng, xử lý phụ phẩm, chuyển đổi giống, công nghệ số, truy xuất nguồn gốc,... | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;<br>Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;<br>Trung tâm Khuyến nông - Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các Sở, ngành, UBND các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan | 2026 - 2030         | Chương trình đào tạo và báo cáo tập huấn (số lượng người tham gia, ít nhất 500-1.000 nông dân/năm) |
| 4. | Xây dựng bộ tài liệu chuẩn hóa, bao gồm: sổ tay kỹ thuật, tờ rơi, infographic, video hướng dẫn... để tuyên truyền, phổ biến phù hợp với từng vùng, từng nhóm đối tượng   | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;<br>Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;<br>Trung tâm Khuyến nông                                | Các Sở, ngành, các tổ chức, cá nhân có liên quan                      | 2026 - 2030         | Bộ tài liệu chuẩn hóa (sổ tay kỹ thuật, tờ rơi, video hướng dẫn)                                   |

| TT | Nhiệm vụ thực hiện  | Cơ quan chủ trì  | Cơ quan phối hợp  | Thời gian thực hiện | Kết quả dự kiến  |
|----|---|--|---|---------------------|--|
|    |   | - Sở Nông nghiệp và Môi trường;  |   |                     |  |
| 5. | Tổ chức các hội thảo, tọa đàm, diễn đàn nông nghiệp xanh, “Sản xuất phát thải thấp” để lan tỏa mô hình, kết nối nông dân, doanh nghiệp, nhà nghiên cứu.         | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;<br>Trung tâm Khuyến nông<br>- Sở Nông nghiệp và Môi trường  | Các Sở, ngành, UBND các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan | 2026 - 2035         | Có các hội thảo/diễn đàn liên quan đến Sản xuất phát thải thấp”                |
| 6. | Triển khai chương trình truyền thông tại các xã, phường để nâng cao nhận thức của nông dân về lợi ích kinh tế, môi trường khi làm theo quy trình phát thải thấp | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;<br>Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường;<br>Trung tâm Khuyến nông<br>- Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các Sở, ngành, UBND các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan | 2026 - 2035         | Trực tiếp hoặc lồng ghép truyền thông tại các xã, phường (khi có chương trình) |

| TT        | Nhiệm vụ thực hiện  | Cơ quan chủ trì   | Cơ quan phối hợp   | Thời gian thực hiện | Kết quả dự kiến  |
|-----------|---|---|--|---------------------|--|
| <b>IV</b> | <b>Xây dựng, triển khai mô hình điểm sản xuất trồng trọt phát thải thấp</b>   |   |  |                     |  |
| 1.        | Thí điểm mô hình sản xuất trồng trọt phát thải thấp (mô hình được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân công tại Quyết định số 4766/QĐ-BNNMT)   | Trung tâm Khuyến nông - Sở Nông nghiệp và Môi trường  | Các Sở, ngành, UBND các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan  | 2026 - 2035         | Mô hình thí điểm cấp tỉnh (02 mô hình) trên mía và cà phê                                  |
| <b>V</b>  | <b>Thiết lập hệ thống MRV và cơ sở dữ liệu phát thải cấp tỉnh/cấp xã</b>  |   |  |                     |  |
| 1.        | Xây dựng hệ thống đo đếm, báo cáo, thẩm định (MRV) phù hợp với điều kiện tỉnh (theo hướng dẫn của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam).  | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;<br>Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường - Sở Nông nghiệp và Môi trường | Trung tâm Công nghệ Thông tin Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, ngành, UBND các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan | 2026 - 2035         | Tài liệu phương pháp và công cụ MRV  |
| 2.        | Phát triển phần mềm, cơ sở dữ liệu kết nối cấp xã - tỉnh, số hóa dữ liệu, cập nhật liên tục; kết hợp đào tạo trực tuyến qua ứng dụng di động (agritech) cho nông dân ở cấp xã/phường. | Trung tâm Công nghệ Thông tin Nông nghiệp   | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, các Sở, ngành, UBND   | 2026 - 2035         | Hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu số hóa (kết nối xã-tỉnh, với dữ liệu cập nhật liên tục) |

| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ thực hiện</b>  | <b>Cơ quan chủ trì</b>  | <b>Cơ quan phối hợp</b>  | <b>Thời gian thực hiện</b> | <b>Kết quả dự kiến</b>   |
|-----------|--|---|--|----------------------------|--|
|           |  | và Môi trường<br>- Sở Nông nghiệp và Môi trường   | các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan  |                            |  |
| 3.        | Liên thông, đồng bộ với hệ thống kiểm kê khí nhà kính quốc gia nếu được yêu cầu.     | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;<br>Trung tâm Công nghệ Thông tin Nông nghiệp và Môi trường<br>- Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các Sở, ngành, UBND các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan                                | 2026 - 2035                | Báo cáo liên thông với hệ thống quốc gia (nếu yêu cầu)           |
| 4.        | Hàng năm lập báo cáo lượng phát thải, giảm phát thải để tổng hợp, theo dõi, đánh giá | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Sở Nông nghiệp và Môi trường  | Trung tâm Công nghệ thông tin, các Sở, ngành, UBND các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan | 2026 - 2035                | Báo cáo hàng năm về lượng phát thải/giảm phát thải (nếu yêu cầu) |
| <b>VI</b> | <b>Kết nối chuỗi giá trị, thị trường sản phẩm phát thải thấp</b>                     |   |  |                            |  |

| <b>TT</b>  | <b>Nhiệm vụ thực hiện</b>   | <b>Cơ quan chủ trì</b>  | <b>Cơ quan phối hợp</b>  | <b>Thời gian thực hiện</b> | <b>Kết quả dự kiến</b>  |
|------------|---|---|--|----------------------------|---|
| 1.         | Hỗ trợ xây dựng thương hiệu “nông sản phát thải thấp” của tỉnh hoặc vùng sản xuất, chứng nhận tiêu chuẩn xanh, truy xuất nguồn gốc, nhãn “phát thải thấp”. Thí điểm triển khai cấp nhãn hiệu đối với một số ngành hàng chủ lực của tỉnh như lúa, sầu riêng, cà phê, hồ tiêu.... | Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản - Sở Nông nghiệp và Môi trường              | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, các Sở, ngành, UBND các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan | 2028 - 2035                | Thương hiệu và chứng nhận “nông sản phát thải thấp”               |
| 2.         | Khai thác cơ hội tham gia thị trường tín chỉ carbon   | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chi cục Bảo vệ môi trường - Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các Sở, ngành, UBND các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan  | 2028 - 2035                | Báo cáo khai thác tín chỉ carbon                                  |
| 3.         | Lồng ghép, hỗ trợ phát triển sản phẩm phát thải thấp vào các chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình OCOP và các chính sách liên quan  | Văn phòng điều phối nông thôn mới - Sở Nông nghiệp và Môi trường                                | Các Sở, ngành, UBND các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan  | 2028 - 2035                | Tài liệu lồng ghép vào chương trình OCOP, khuyến nông, chính sách |
| <b>VII</b> | <b>Kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng kết và điều chỉnh</b>   |   |  |                            |   |

| TT | Nhiệm vụ thực hiện  | Cơ quan chủ trì   | Cơ quan phối hợp   | Thời gian thực hiện | Kết quả dự kiến  |
|----|---|---|--|---------------------|--|
| 1. | <p>Hàng năm tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai các mô hình, đối chiếu tiến độ, kết quả so với mục tiêu thu thập phản hồi, khó khăn, vướng mắc từ cơ sở để điều chỉnh kế hoạch, kỹ thuật, hỗ trợ; Kết thúc mỗi giai đoạn, tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đề xuất điều chỉnh, mở rộng giai đoạn tiếp theo</p> | <p>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Sở Nông nghiệp và Môi trường</p> | <p>Các đơn vị: Văn phòng điều phối nông thôn mới, Trung tâm Công nghệ Thông tin Nông nghiệp và Môi trường<br/>           Trung tâm Khuyến nông,<br/>           Chi cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và Thủy sản, Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai, Chi cục Quản lý Đất đai,<br/>           Các Sở, ngành, UBND các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan</p> | <p>2026 - 2035</p>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện Đề án hàng năm</li> <li>- Báo cáo tổng kết giai đoạn 5 năm</li> <li>- Báo cáo gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường</li> </ul> |



**DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN TRONG SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NHẬN VĂN BẢN**

| <b>TT</b> | <b>Cơ quan</b>  |
|-----------|---|
| 1.        | Văn phòng điều phối nông thôn mới                       |
| 2.        | Trung tâm Công nghệ Thông tin Nông nghiệp và Môi trường |
| 3.        | Trung tâm Khuyến nông                                   |
| 4.        | Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường            |
| 5.        | Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai               |
| 6.        | Chi cục Quản lý Đất đai                                 |
| 7.        | Chi cục Bảo vệ môi trường                               |
| 8.        | Chi cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và Thủy sản     |